

PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ TÍCH CỰC CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TRẦN ĐỨC DƯƠNG^(*)

Thờ cúng Tổ tiên là một hiện tượng xã hội đã xuất hiện từ xa xưa trong lịch sử nhân loại và đã từng tồn tại ở nhiều quốc gia, châu lục, trong đó có Việt Nam. Cho đến nay, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên vẫn có vai trò khá quan trọng trong đời sống tinh thần của nhiều tộc người. Tuy nhiên, việc đánh giá vai trò, giá trị và ý nghĩa của nó ở mỗi quốc gia lại không như nhau.

Tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên của người Việt Nam trong quá trình hình thành, tồn tại và phát triển đã góp phần tạo ra những giá trị đạo đức truyền thống, đó là lòng hiếu thảo, nhân ái, tính cộng đồng, tính cần cù, sáng tạo, lòng hiếu học, lòng yêu nước, trong đó yêu nước là giá trị đạo đức hàng đầu trong hệ thống đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam. Đó là những giá trị hết sức quý báu cần được bảo lưu, kế thừa, nghiên cứu, khai thác và phát huy để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định: Trong công tác tôn giáo, cần phải biết khai thác những giá trị nhân bản, tích cực của các tôn giáo cũng như các hình thức tín ngưỡng để phát huy nó trong công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, cũng như trong công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Đường lối của Đảng về công tác tôn giáo khẳng định: “Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng

Tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân”⁽¹⁾.

Việc thờ cúng Tổ tiên ở nước ta đã có từ rất lâu đời, được duy trì từ đời này sang đời khác, trở thành đạo lí, tập tục, truyền thống thấm sâu trong tiềm thức mỗi con người Việt Nam. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cho rằng: “Từ xa xưa, dân tộc Việt Nam ta không có tôn giáo theo nghĩa thông thường của nhiều nước khác. Còn nói tôn giáo là thờ cúng Tổ tiên thì mọi người đều thờ cúng ông, bà, mọi người đều thờ cúng Tổ tiên..., từ góc độ văn hóa, tôi thấy đây là một đặc trưng đáng trọng của con người Việt Nam, ở chỗ nó tưởng nhớ những người có công trạng trong việc tạo lập cuộc sống ngày nay của mọi người, gia đình, làng xóm”⁽²⁾.

Thờ cúng Tổ tiên là một loại hình tín ngưỡng cổ truyền mang tính phổ quát của người Việt Nam. Nó trở thành một tập tục truyền thống, có vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam. Nó là một trong các thành tố tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Cùng với tiến trình lịch sử của dân tộc, nó là sự bồi đắp, kết tụ những giá trị đạo đức quý báu của con người Việt Nam.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu những giá trị đạo đức trong tín

*. Học viện CT-HCQG Hồ Chí Minh.

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCH Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo.

2. Phạm Văn Đồng. Văn hóa và Đời mới, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 7.

ngưỡng thờ cúng Tổ tiên để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực là điều cần thiết, nhất là khi những mặt trái của nền kinh tế thị trường đang từng ngày, từng giờ gặm nhấm, làm mai một và biến tướng dần nhiều giá trị về đạo đức, văn hóa, tinh thần của dân tộc.

Trước khi các tôn giáo ngoại sinh như Phật giáo, Đạo giáo, Công giáo, Islam giáo, v.v... có mặt ở Việt Nam, nước ta đã có một cơ tầng văn hóa Đông Nam Á với tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, phồn thực, vật linh giáo, v.v... Thờ cúng Tổ tiên ở nước ta mang tính chất phổ biến, tồn tại ở nhiều vùng miền, tộc người, giai tầng, và đã bén rễ, ăn sâu vào đời sống tinh thần của nhiều thế hệ người Việt Nam với những hình thức và mức độ khác nhau. Tuy nhiên, đã là người Việt Nam, dù là người có tôn giáo hay không tôn giáo thì hầu hết đều có tâm thức thờ cúng Tổ tiên, thành kính gia tiên, tôn thờ những nhân vật lịch sử hay truyền thuyết được coi là có công với dân, với nước.

Tổ tiên theo quan niệm của người Việt Nam, trước hết là những người có cùng huyết thống như: cha, mẹ, ông, bà, cụ, kị,... sau là những người có công tạo dựng nên cuộc sống của cộng đồng như các vị “Thành hoàng làng”, các “Nghệ tổ”. Không chỉ thế, Tổ tiên còn là những người có công bảo vệ làng xóm, quê hương, đất nước khỏi nạn ngoại xâm như Trần Hưng Đạo đã trở thành “cha” được cúng, giỗ vào tháng 8 âm lịch hàng năm. Hơn thế nữa “Tháng 8 giỗ cha” đã trở thành ngày cúng giỗ ở rất nhiều nơi trong cộng đồng người Việt. Ngay cả “Thành hoàng” của nhiều làng cũng không phải ai ai cũng là người đã có công tạo dựng nên làng, mà có khi là người có công, có đức với nước được ông cha ta tôn thờ làm “Thành hoàng”. Tổ tiên trong tín ngưỡng của người Việt Nam còn là “Mẹ Âu Cơ”, còn

là “Vua Hùng”, là người sinh ra các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam.

Có thể nói, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên không chỉ dừng lại ở phạm vi gia đình, họ tộc mà nó còn mở rộng đến làng xã, đất nước: “Đạo thờ cúng Tổ tiên theo nghĩa rộng không chỉ thờ những người có công sinh dưỡng đã khuất, nghĩa là những người có cùng huyết thống mà thờ cả những người có công với cộng đồng, làng xã và đất nước”⁽³⁾.

Thờ cúng Tổ tiên là thông qua những nghi lễ để tỏ lòng thành kính, biết ơn của con cháu đối với người đã khuất. Trong sâu thẳm tâm thức, nhiều người Việt tin rằng, tuy đã mất nhưng vong hồn Tổ tiên vẫn còn bên con cháu, che chở, nhắc nhở động viên mình. Do đó, thờ cúng Tổ tiên là đạo lí ở đời, là “đạo nhà” của người Việt Nam.

Thờ cúng Tổ tiên là hình thức tín ngưỡng mà thông qua nghi lễ thờ cúng nhằm xác lập “mối liên hệ” giữa người sống với người chết, giữa thế giới hiện tại và thế giới tâm linh: Là sự thể hiện quan niệm về nhân sinh quan của con người Việt Nam: “Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn”. Với người Việt Nam, chết chưa phải là hết, Tổ tiên lúc nào cũng ở bên cạnh người sống, “như tại” trên bàn thờ mỗi gia đình, động viên, trợ giúp, phù hộ cho con cháu trong cuộc sống thường ngày. Nếu như tôn giáo thường tuyệt đối hóa đời sống tinh thần, hướng con người về thế giới siêu thoát, thì tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, tuy có hướng con người về với quá khứ, song lại rất coi trọng hiện tại và tương lai.

Thờ cúng Tổ tiên là việc rất hệ trọng đối với người Việt Nam. Thời gian cúng giỗ là những ngày hỷ kỵ của Tổ tiên.

3. Đặng Nghiêm Vạn. *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*. Nxb. Khoa học xã hội. 1996. tr. 315.

những ngày lễ, tết trong năm. Ngoài ra, việc thờ cúng Tổ tiên còn được tổ chức vào những ngày trong gia đình có sự kiện quan trọng như lấy vợ, gả chồng, sinh con, làm nhà, mùa mới, thi cử, đi xa, v.v... Thông qua nghi lễ thờ cúng, người Việt Nam gửi gắm tình cảm biết ơn đối với Tổ tiên: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” và vì “Cây có gốc mới nở cành xanh ngọn, nước có nguồn mới bể rộng sông sâu”. Trong mỗi gia đình, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên dần dần trở thành đạo lí “uống nước nhớ nguồn”, thành “đạo hiếu”. Như vậy, thờ cúng Tổ tiên là sự thực hành chữ Hiếu, đạo Hiếu, bởi vì:

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ Hiếu mới là đạo con

Trong tâm thức của người Việt Nam, việc tu hành không phải là phương pháp tối ưu để giải thoát, bởi: “Tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha, kính mẹ mới là chân tu”. Đạo hiếu là cái gốc của mỗi con người. Công cha, nghĩa mẹ như núi cao, nước nguồn cho nên phải hiếu thảo với cha, mẹ khi còn sống, thành kính, biết ơn, tiếc thương khi cha, mẹ khuất núi về với tiên tổ. Lòng hiếu thảo là giá trị đạo đức quý báu trong tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên của người Việt Nam.

Nho giáo và Phật giáo Việt Nam đều coi trọng chữ Hiếu. Theo Phật giáo, con cái không chỉ hiếu thuận cha mẹ một ngày mà là cả đời mình. Người Việt Nam theo Công giáo cũng luôn kính hiếu với cha mẹ, Tổ tiên. Ngày giỗ, nhiều tín đồ đến nhà thờ cầu nguyện cho hương hồn đã khuất, họ đi đắp mộ, đặt hoa tưởng nhớ Tổ tiên. Chữ Hiếu không chỉ đơn thuần là cúng tiến, lễ lạt mà được cụ thể hóa bằng cách đối nhân xử thế với người đang sống. Từ ngàn xưa, ông cha ta đã có câu “sống thì chẳng cho ăn, đến khi chết mới làm văn tế ruồi” để chê bai

những kẻ làm con không biết giữ tròn đạo hiếu khi ông bà, cha mẹ còn sống.

Kính hiếu với cha mẹ là thể hiện sự phụng dưỡng cha mẹ lúc về già, đừng nên “con nuôi cha mẹ kể công từng ngày”. Con cháu lúc bé thì “cậy cha” nương dựa vào ông, bà, cha mẹ, lúc về già thì “cậy con” trông nhờ vào sự phụng dưỡng, chăm sóc của con cháu.

Con cháu hiếu với Tổ tiên không phải chỉ dừng lại ở lòng biết ơn, sự phụng dưỡng mà còn phải ra sức học tập, rèn luyện để nên người vì người già vẫn quan niệm “con hơn cha là nhà có phúc”.

Những năm gần đây, nhất là từ khi *Đổi mới*, việc thờ cúng Tổ tiên được nhiều người chú trọng. Đó là nét nghĩa của người Việt Nam, nó khơi gợi cho thế hệ sau đạo lí “uống nước nhớ nguồn”, sống phải có tình nghĩa, trước sau. Song việc thờ cúng Tổ tiên ở nhiều nơi, nhiều gia đình, họ tộc có biểu hiện hơi thái quá. Hiện tượng xây mồ mả to, làm cỗ bàn linh đình, phô trương về tài sản, danh vọng, địa vị, cơ hội, trục lợi, v.v... đã gây ra không ít lãng phí, phiền toái, tổn hại đến đời sống vật chất, tinh thần cho nhân thân, làm biến dạng nhiều giá trị nhân văn sâu sắc, chân chính của hình thức tín ngưỡng này. Vì vậy, cần có sự định hướng bằng dư luận, bằng hương ước mới của làng xã làm cho cái tinh túy ngàn xưa để lại càng tinh túy hơn trong thời đại mới. Đó là việc làm của cả cộng đồng, xã hội.

Cùng với sự thể hiện đạo hiếu với Tổ tiên, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên còn là sợi dây liên kết giữa những con người trong cuộc sống hiện tại. “Anh em như thể chân tay”, “gà cùng một mẹ”, bà con làng xóm “tắt lửa tối đèn có nhau”, tình nghĩa xóm làng như “bầu với bí”, tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Từ đó lòng nhân ái, tính cộng đồng được xây dựng,

củng cố, cũng là những giá trị đạo đức đáng trọng, không thể thiếu trong đời sống xã hội của mỗi con người.

Tưởng nhớ tới Tổ tiên, người Việt Nam luôn bảo nhau phải sống sao cho xứng đáng với sự kì vọng của Tổ tiên. Các thế hệ cháu con, sau khi đã công thành danh toại thường trở về “vinh quy bái tổ” trước các vong linh ông bà Tổ tiên. Người Việt Nam luôn cần cù, sáng tạo trong việc tạo dựng cuộc sống. Đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động cũng được hình thành và khẳng định một phần thông qua ý thức về Tổ tiên, cội nguồn.

Tổ tiên không chỉ là tấm gương sáng cho con cháu noi theo, hiếu với Tổ tiên còn có nghĩa là con cháu phải thành đạt “sóng lớp sau đẩy sóng lớp trước”. Thành đạt làm rạng rỡ Tổ tiên, dòng họ, làng xóm, quê hương. Song để thành đạt phải kiên trì tu luyện bản thân, phải chịu khó học hỏi. Đức tính hiếu học cũng là một giá trị đạo đức tốt đẹp ẩn chứa trong tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên.

Chữ hiếu trong tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên không chỉ dừng lại ở ý thức, giáo dục đạo đức mà dần dần trở thành nghi thức, tập tục, khuôn mẫu thường xuyên nhắc nhở con cháu có trách nhiệm với quá khứ, hiện tại và tương lai, với anh em, họ tộc, chòm xóm và xã hội.

Chữ hiếu, lòng biết ơn, sự kính trọng, v.v... không chỉ bó hẹp trong phạm vi gia đình, họ tộc mà còn được mở rộng ra trong phạm vi làng nước. Làng xóm Việt Nam có cơ cấu, thiết chế rất chặt chẽ. Tuy làng xã có quan hệ mật thiết với Nhà nước Trung ương nhưng lại có tính độc lập tương đối. Mỗi làng đều có tục lệ, phong tục, lối sống riêng. Trong phạm vi làng xã từ lâu đã hình thành tập tục thờ cúng thần địa phương. Thành hoàng làng là người có công tạo dựng, phát triển cuộc

sống của cả làng, hoặc có thể là người có công với nước được các cụ tổ xưa trong làng tôn thờ làm Thành hoàng.

Đạo lí hướng về cội nguồn riêng, về những người có công sinh thành tạo dựng cuộc sống đối với con người Việt Nam thì đồng thời cũng là đạo lí hướng về cội nguồn chung của cả dân tộc. Tình yêu quê hương, yêu đất nước cũng được hun đúc từ đây. Kính hiếu với Tổ tiên là kính hiếu với Mẹ Âu Cơ, với Vua Hùng “đã có công dựng nước”. Lòng yêu nước, tự hào dân tộc là giá trị đạo đức quý báu, xuyên suốt chiều dài lịch sử dân tộc và có ý nghĩa định hướng cho lẽ sống của con người Việt Nam.

Gia đình - Làng - Nước trong tâm thức người Việt Nam bao đời thân thương, gắn quện với nhau trong cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch họa. Họ có tổ họ, làng có Thành hoàng, nước có Tổ nước. Vua Hùng là Tổ của muôn dân nước Việt. Ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm, người Việt từ khắp nơi, cả ở nước ngoài về viếng Tổ là tỏ lòng kính hiếu Tổ tiên, nhân thêm tình yêu thương con người, xứ sở, hướng về cội nguồn dân tộc, hun đúc hồn thiêng sông núi, củng cố ý thức cộng đồng như Bác Hồ đã từng căn dặn: Vua Hùng là người có công dựng nước. Như vậy Vua Hùng chính là ông Tổ của nước Việt Nam. Uống nước phải nhớ nguồn, con cháu thì phải nhớ đến Tổ tiên. Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước! Đó mới là uống nước nhớ nguồn, mới là nhớ Tổ tiên vậy.

Đối với các chiến sĩ đã hi sinh trong cuộc kháng chiến, các địa phương đều có nghĩa trang liệt sĩ để ghi công, tưởng nhớ. Ngoài phần bia mộ của các liệt sĩ còn có các bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ vô danh là ví dụ điển hình của phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” trong cả nước.

Việc xây dựng nhà tình nghĩa nuôi dưỡng các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, giúp đỡ các gia đình có công với nước cũng thể hiện sinh động đạo lí “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây” của nhân dân ta. Bao việc làm hiếu nghĩa khác trên khắp nước ta không những chỉ với gia đình, họ hàng mà còn với một cộng đồng rộng lớn: Tổ quốc. Những việc làm hiếu nghĩa ấy cần được làm thường xuyên, sâu rộng, được khuyến khích, trân trọng.

Thông qua hình thức tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, con người cảm thấy gắn bó với nhau hơn, tình yêu quê hương đất nước được khơi dậy (ân đất nước), nhớ ơn Tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã có công nuôi lớn, dưỡng dục mình (ân cha mẹ).

Như vậy, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên của người Việt Nam trong quá trình hình thành, tồn tại và phát triển đã góp phần tạo lập nhiều chân giá trị quý báu. Bên cạnh đó nó còn khơi dậy đạo lí làm người, ngăn chặn suy thoái đạo đức, lối sống, gìn giữ thang giá trị, đạo đức truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc, hướng về cái thiện, v.v... Đó là những giá trị hết sức quý báu mà chúng ta cần nghiên cứu, khai thác để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Bản thân mọi giá trị không phải “nhất thành bất biến” mà nó luôn biến đổi cùng tiến trình lịch sử. Các giá trị của ngày hôm qua là cội nguồn mạch sống cho các giá trị của ngày hôm nay.

Những giá trị đạo đức trong tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên như đã khái quát trên có thể nói là vĩnh hằng cùng với sự tồn tại và phát triển của dân tộc, song bản thân tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên

cũng chứa đựng trong nó những giá trị không phải là không có hạn chế lịch sử, bởi nó là sản phẩm tinh thần của “nền văn minh nông nghiệp”, “văn minh làng xã” trong lịch sử. Việc kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống đòi hỏi phải được kết hợp với những giá trị đạo đức mới. “Nội dung mới” cần được đưa thêm vào “hình thức cũ” cho phù hợp với xã hội công nghiệp hiện đại. Hiếu với Tổ tiên, ông, bà, cha, mẹ cần được nâng lên cao hơn, đẹp hơn, đó là “hiếu với dân, với nước”; lòng nhân ái phải được nhân lên thành chủ nghĩa nhân đạo; tính cộng đồng cần được kết hợp với chủ nghĩa tập thể, lòng yêu nước phải gắn với yêu chủ nghĩa xã hội; tính cần cù, sáng tạo trong lao động phải gắn với lòng tự tin, ý thức làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại, v.v... Có như vậy thì những giá trị đạo đức truyền thống, trong đó có những giá trị đạo đức trong tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên mới có ý nghĩa tích cực trong việc giữ gìn và xây dựng “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã và đang phấn đấu thiết lập.

Để làm được điều đó, thiết nghĩ cần phải có sự định hướng từ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các ngành, các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các làng, xã, họ tộc, từng gia đình và từng con người trong nhận thức và hành động để ngày càng phát huy được những giá trị tích cực, khắc phục những hạn chế trong tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên và qua đó xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn./.